

Bản án số: **103/2020/DS-PT**

Ngày: 11- 9- 2020.

V/v: Tranh chấp “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Phụng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị N - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Bà Mã Quế Khanh -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST, ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 112/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty H.

Địa chỉ: xã B, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Q - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Lô F, KCN Long Khánh, xã B, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Nguyên N, sinh năm 1997. Địa chỉ: đường Đ, phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản quyền số 2508 ngày 25/8/2020) (*ông N có mặt*).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Chu Minh Đ, là Luật sư của Chi Nhánh Công ty Luật H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: đường Đ, phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*).

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1959 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

\* *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Hồ Chí B, sinh năm 1958; Địa chỉ: đường K, khóm A, phường B, thành phố M, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2020). *(có mặt)*

3. Người kháng cáo: Công ty H là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Nguyên N trình bày:* Vào ngày 20/6/2018 Công ty H có ký hợp đồng mua bán thức ăn gia súc, gia cầm với ông Lê Hoàng T. Cùng ngày 20/6/2018 Công ty H với ông Lê Hoàng T ký phụ lục số 01. Theo đó Công ty H đồng ý cho ông Lê Hoàng T một khoản tín dụng là 1.600.000.000đ được đảm bảo bằng chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng A, thời hạn bảo lãnh thanh toán đến ngày 31/12/2018. Tính đến ngày 25/8/2018 ông Lê Hoàng T còn nợ Công ty H số tiền 1.851.015.200đ.

Tại biên bản làm việc ngày 27/8/2018 về cam kết lộ trình trả nợ, ông Lê Hoàng T cam kết nhờ Ngân hàng A chuyển trả cho Công ty H 1.500.000.000đ sẽ chuyển trả theo lộ trình khi có tiền từ nguồn thu trúng trả về cho ông T, dưới sự xác nhận của ông Lê Hoàng T, bắt đầu từ ngày 20/9/2018. Tuy nhiên đến ngày 21/9/2018 ông Lê Hoàng T chỉ thanh toán được 1.000.000.000đ. Ngày 25/9/2018, ông Lê Hoàng T tiếp tục cam kết sẽ trả hết số tiền 851.015.200đ cho công ty H trong thời hạn từ ngày 25/9/2018 đến hết ngày 10/10/2018. Tuy nhiên khi đến hạn ông T vẫn không thực hiện.

Ngày 15/10/2018 ông Lê Hoàng T thanh toán 01 phần số tiền nợ và đề nghị Công ty H kéo dài thời gian trả nợ. Do mong muốn hợp tác và tạo điều kiện cho khách hàng trả nợ. Công ty H vẫn tiếp tục giao hàng cho ông T, đồng thời chấp nhận đề nghị của ông T. Tính đến hết ngày 30/5/2019 ông Lê Hoàng T còn nợ Công ty H số tiền mua thức ăn gia súc, gia cầm sau khi đã trừ chiết khấu đại lí là 598.172.486đ. Công ty H nhiều lần nhắc nhở đề nghị ông Lê Hoàng T thanh toán số tiền 598.172.486đ nhưng ông Lê Hoàng T vẫn không thực hiện.

Nay Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn ông Lê Hoàng T phải trả cho Công ty H số tiền mua thức ăn gia súc, gia cầm còn nợ là 598.172.486đ. Đồng thời buộc ông Lê Hoàng T còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi trả hết nợ.

- *Bị đơn ông Lê Hoàng T trình bày:* Ông T có thừa nhận có ký hợp đồng mua bán thức ăn gia súc với Công ty H. Trước đây ông có thiếu tiền mua thức ăn của Công ty H số tiền 1.851.015.200đ. Nhưng ngày 21/9/2018, ông có trả cho công ty 1 tỷ đồng, ngày 29/3/2018 ông trả cho công ty 200.000.000đ, ngày 15/10/2018 ông có trả cho công ty 50.000.000đ. Như vậy hiện nay ông còn thiếu tiền mua thức ăn của Công ty là 601.015.200đ. Nhưng phía công ty phải trừ lại cho ông số tiền gà chết là 4.700 con thành tiền là 470.000.000đ (lý do gà ăn cám bị mốc của công ty chết, có xác nhận của bên kỹ thuật là ông Nguyễn Hoàng T2 là nhân viên Công ty K và giám đốc Công ty K là ông Võ Văn T3, có sự xác

nhận của ông Huỳnh Tấn Đ là nhân viên Công ty H. Riêng đối với biên bản làm việc ngày 14/11/2018, ông có ký xác nhận là đúng nội dung biên bản và đề nghị Công ty H trừ phần tiền gà chết là 370.000.000đ theo như ông Đ nhân viên Công ty H đề nghị cho ông, lúc đó ông đồng ý ký nhưng hiện nay ông không đồng ý nữa mà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đồng thời, ông yêu cầu Công Ty H hỗ trợ thêm 20.000.000đ tiền gà để không đạt do ăn cám không đạt chất lượng của Công ty, và yêu cầu Công ty trừ chiết khấu số tiền 164.260.410đ theo bảng kê đối chiếu công nợ ngày 03/3/2019 (chiết khấu từ tháng 7/2018 đến tháng 11/2018). Ông chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết như nội dung trên nhưng ông không yêu cầu phản tố mà yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

\* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020, đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn Công ty H Buộc bị đơn ông Lê Hoàng T trả cho Công ty H số tiền thiếu mua bán thức ăn chăn nuôi là 228.172.486 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 370.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

\* Ngày 14/7/2020, nguyên đơn Công ty H kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa phần quyết định của Tòa án nhân dân huyện C về việc buộc nguyên đơn phải bù trừ số tiền là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) vào số tiền nợ của đại lý Lê Hoàng T đối với Công ty H. Buộc ông Lê Hoàng T phải thanh toán thêm số tiền nợ từ việc mua thức ăn là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật cho Công ty H.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Nguyên N không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Chu Minh Đ trình bày: Hai bên đã thừa nhận hiện nay ông T còn nợ Công ty số tiền 598.172.486 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Công ty H phải chịu trách nhiệm đối với việc ông Đ nhân danh Công ty H thỏa thuận với ông T theo biên bản thỏa thuận ngày 20/9/2018 là không thỏa đáng. Căn cứ hợp đồng lao động số 117KD.2018/HĐLĐ-HPĐN và bảng mô tả công việc của nhân viên Giám sát

kinh doanh. Ông Huỳnh Tấn Đ không được phép nhân danh Công ty H ký kết các thỏa thuận với khách hàng là đại lý Công ty ông Lê Hoàng T. Hơn nữa, người đại diện theo pháp luật của Công ty H là ông Chu Q. Ông Huỳnh Tấn Đ không phải là người đại diện theo pháp luật cũng không phải là người đại diện theo ủy quyền để được quyền nhân danh Công ty thực hiện thỏa thuận với ông T. Vì vậy, việc ông Đ nhân danh Công ty H ký kết thỏa thuận với ông T là vượt quá thẩm quyền. Do đó, thỏa thuận ngày 20/9/2018 giữa ông Đ với ông T là không đúng quy định. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và sửa phần quyết định của Tòa án nhân dân huyện C về việc buộc nguyên đơn phải bù trừ số tiền là 370.000.000 vào số tiền nợ của đại lý Lê Hoàng T đối với Công ty H. Buộc ông Lê Hoàng T phải thanh toán thêm số tiền nợ từ việc mua thức ăn là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật cho Công ty H.

\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi Nêu cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[I] Về tố tụng:***

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn Công ty H là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Hoàng T vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa, Luật sư Đ vắng mặt nhưng có gửi bài phát biểu; việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

#### ***[II] Về nội dung:***

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Nguyên N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Hoàng T là ông Hồ Chí B đều thừa nhận vào ngày 20/6/2018 Công ty H và ông Lê Hoàng T có ký hợp đồng mua bán thức ăn gia súc, gia cầm số 378/HĐMB-2018 và cùng ngày 20/6/2018 Công ty H với ông Lê Hoàng T ký phụ lục số 01 và hiện nay hai

bên thừa nhận ông T còn nợ Công ty số tiền mua thức ăn gia súc, gia cầm sau khi đã trừ chiết khấu đại lý là 598.172.486đ và tại Tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều thừa nhận trước khi ký hợp đồng với ông T thì ông T có mua thức ăn của Công ty từ tháng 01 năm 2018 đến khi ký hợp đồng với ông T. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty H (gọi tắt là Công ty) yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy:

[2.1] Ông Huỳnh Tấn Đ thừa nhận tại biên bản lấy khai ngày 31 tháng 8 năm 2020 cũng như trong các hợp đồng lao động ông đã ký với Công ty lần đầu ngày 01/5/2018 đến ngày 31/12/2018 và lần thứ 2 từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 và cả hai lần ký hợp đồng đều giữ chức danh chuyên môn là Giám sát kinh doanh, công việc phải làm là theo văn bản mô tả công việc tức là kế hoạch làm việc theo tuần/tháng; hiểu mặt hàng và các chính sách bán hàng; chăm sóc khách hàng/tìm kiếm khách hàng tiềm năng; mở code đại ký ký hợp đồng và làm thanh toán và ông là người trực tiếp đàm phán với ông T, sau khi đàm phán xong thì gửi các giấy tờ có liên quan đến hợp đồng mua bán và sau đó Công ty đồng ý. Đến ngày 20/6/2018 thì ông là người trực tiếp đem hợp đồng đến trại gà, trại heo của ông T, sau khi ông T xem toàn bộ nội dung và ký vào hợp đồng, sau khi ông T ký xong thì ông đem hợp đồng về cho Công ty ký thành 03 bản, ông T giữ 01 bản, Công ty giữ 02 bản. Sau khi giao cam cho ông T để cho gà ăn, số lượng cụ thể thì ông không nhớ và đến tháng 8/2018 thì ông T nợ Công ty tổng cộng trên 1.800.000.000 đồng. Sau đó ông T trả nợ cho Công ty nhiều lần và hiện nay ông T còn lại Công ty số tiền 598.172.486 đồng.

[2.2] Khi ông Đ xem biên bản thỏa thuận ngày 20/9/2018 thì ông Đ thừa nhận ông có thỏa thuận với ông T là sẽ hỗ trợ cho ông T tổng cộng số tiền 370.000.000 đồng, gồm: 1/. Hỗ trợ tiền giống gà là 70 triệu đồng và tiền gà đẻ chết là 300 triệu đồng. 2/. Hình thức thanh toán: tháng 8 Công ty chi trả 70 triệu. Từ tháng 9 trở đi, mỗi tháng Công ty sẽ chi trả 30 triệu đồng đến khi chi đủ hoàn toàn cho đại lý với điều kiện hàng tháng trại gà đẻ nhà đại lý chú T phải sử dụng hoàn toàn thức ăn của Công ty H sản xuất. 3/. Đại lý đồng ý trả đủ số nợ cũ cho anh Huỳnh Tấn Đ là 580.717.000đ trước ngày 25/9/2018. Đối với thỏa thuận này BGĐ Công ty đã đồng ý nhưng do ông T không sử dụng thức ăn của Công ty nên Công ty không hỗ trợ. Đối với gà bị thiệt hại là có, nhưng hiện nay chưa có căn cứ để buộc Công ty bồi hoàn cho ông T phần tiền này, theo ông thì Công ty có trách nhiệm đối với gà ông T bị thiệt hại.

[2.3] Theo hợp đồng mua bán số 378/HĐMB-2018, ngày 20/6/2018 thì Công ty H do bà Trần Hải Y đại diện theo ủy quyền của Công ty ký hợp đồng với ông T thì tại điểm g khoản 1 Điều 10 của hợp đồng quy định: Các phụ lục hợp đồng được thể hiện dựa trên biên bản thỏa thuận có đầy đủ chữ ký của 2 bên, mỗi bên giữ 1 bản. Tất cả các thỏa thuận mà không có văn bản và xác nhận của Ban Giám Đốc bên A không có giá trị về tính pháp lý trước pháp luật.

[2.4] Mặt khác, số tiền ông Đ thỏa thuận với ông T có 370.000.000đồng thì có thiệt thòi cho ông T, vì số gà chết và cám bị mốc còn lại số tiền trên 490.000.000đồng.

[3] Đối với ông T yêu cầu phía Công ty phải trừ lại cho ông số tiền gà chết là 4.700 con thành tiền là 470.000.000đ với lý do gà ăn cám bị mốc của công ty chết, hỗ trợ thêm 20.000.000đ tiền gà đẻ không đạt do ăn cám không đạt chất lượng của Công ty, và yêu cầu Công ty trừ chiết khấu số tiền 164.260.410đ theo bảng kê đối chiếu công nợ ngày 03/3/2019 (chiết khấu từ tháng 7/2018 đến tháng 11/2018). Xét thấy:

[3.1] Theo xác nhận của ông Nguyễn Hoàng T2 là nhân viên Công ty K công tác tại trại gà ông T với chức vụ kỹ thuật trại xác nhận “ông T sử dụng thức ăn của Công ty từ 14/6/2018 đến ngày 17/6/2018 trại gà có sử dụng 50 bao cám loại 25kg cám bị mốc vón cục, mã hàng HP24 làm cho gà bị viêm ruột và nắm điều ngộ độc gan thận, chết rộ trong khoảng thời gian 01 tuần và giám đốc Công ty K là ông Võ Văn T3 cùng ký xác nhận” và phía sau giấy xác nhận này thì ông Huỳnh Tấn Đ quản lý địa bàn của Công ty H xác nhận “sự việc gà chết theo bảng tường trình là đúng sự thật, gà trọng lượng từ 1kg đến 1,2kg, loại gà đẻ hậu bị, số lượng trại tổng kết ghi nhận là 4.700 con, kết quả mổ khám chuẩn đoán là do kỹ thuật trại đã xác nhận, do hôm đó bên Công ty không có kỹ thuật xuống mổ khám”.

[3.2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2020 thì ông Đ khai: Ông là người của Công ty H và là người trực tiếp quản lý địa bàn tỉnh Sóc Trăng thì trong đó có trại gà của ông T xác định gà ông T chết là có thật, việc gà chết thì ông T có báo cho ông Đ, ông Đ có báo lại với Công ty thì lúc đó Công ty cũng đồng ý nhưng với điều kiện hàng tháng trại gà đẻ nhà đại lý ông T phải sử dụng toàn bộ thức ăn của Công ty, nên ông Đ mới làm bản thỏa thuận ngày 20/9/2018 với ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của hợp đồng quy định: “trong trường hợp xác định hàng hóa bị hư hỏng tại kho của Bên B, Bên B phải thông báo ngay cho nhân viên quản lý trực tiếp địa bàn của Bên A đến xem xét tại chỗ để báo cáo về cho Bên A. Bên B không được tự ý trả hàng về Bên A khi chưa có ý kiến chấp nhận bằng văn bản của nhân viên quản lý địa bàn của Bên A. Bên A chỉ chịu trách nhiệm giải quyết vấn đề hàng hóa bị hư hỏng nếu lỗi đó thuộc về Bên A”, việc thỏa thuận này thì ông T có mua thức ăn của Công ty liên tiếp bốn lần vào các ngày 26/10/2018, ngày 01/11/2018, ngày 06/11/2018, ngày 15/11/2018 với số tiền là 185.817.000đồng. Mặt khác, các giao dịch giữa ông T với Công ty là do ông Đ là người trực tiếp với ông T.

[4] Xét về lỗi trong việc tranh chấp này thì Công ty cũng có lỗi là khi gà ông T chết thì ông T có báo cho ông Đ thì ông Đ có báo với Công ty nhưng Công ty không cử người xuống xem xét lý do tại sao gà bị chết, khi ông Đ thỏa thuận ngày 20/9/2018 thì Công ty cũng đồng ý nhưng không có văn bản cụ thể và sau khi thỏa thuận này thì ông T có lấy thức ăn chăn nuôi của Công ty bốn lần với số tiền 185.817.000 đồng. Như vậy, Công ty là người có lỗi nhiều hơn ông T và phía ông T cũng có lỗi, nên số tiền 370.000.000đồng do ông Đ thỏa thuận với ông T thì Công ty có lỗi 6 phần x 370.000.000đ) bằng

222.000.000đồng, còn phía ông T lỗi 4 phần x 370.000.000đồng bằng 162.800.000đồng là phù hợp.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty H; căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm về những nội dung đã phân tích nêu trên.

[6] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty H là có căn cứ chấp nhận một phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ như nhận định trên.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên nguyên đơn Công ty H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty H.

Sửa bản án sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng, như sau: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H Buộc bị đơn ông Lê Hoàng T trả cho Công Ty H số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 376.172.486 đồng (ba trăm bảy mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày Công ty H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Hoàng T chưa thanh toán số tiền trên cho Công ty thì hàng tháng ông Lê Hoàng T còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty H yêu cầu ông Lê Hoàng T hoàn trả số tiền chênh lệch 222.000.000đồng (hai trăm hai mươi hai triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty H phải chịu 11.100.000đ (Mười một triệu đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 13.964.500đ (Mười ba triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0008859 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; Như vậy Công ty H được hoàn trả số tiền đã nộp thừa là 2.864.500đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

2.2. Ông Lê Hoàng T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty H không phải chịu, hoàn trả cho Công ty H số tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005197 ngày 14/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện C (01);
- Chi cục THADS huyện C (01);
- Các đương sự (05);
- Lưu HS, VP (02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hồ Văn Phụng**



